

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2024
Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rê;
2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông [Tống Công D](#), sinh năm 1991; Địa chỉ: [Khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An](#). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà [Nguyễn Thu P](#), sinh năm 1995; Địa chỉ: [Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-5-2024, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông [Tống Công D](#) trình bày và yêu cầu: Ông và bà [Nguyễn Thu P](#) cưới nhau có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An](#) ngày 22-5-2023. [C](#) sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự đồng cảm và chia sẻ, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, bà [P](#) thường xuyên làm xa nhà (đi nước ngoài), chỉ thỉnh thoảng về, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, ông đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không hiệu quả, bà [P](#) có tình cảm với người khác; đã ly thân từ ngày 28-3-2024 đến nay.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà [Nguyễn Thu P](#);

Về nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên [Tống Đan L](#), sinh ngày 23-5-2023, đang sống với ông từ tháng 9-2023, lý do bà [P](#) đi làm ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc con; Ông không yêu cầu bà [P](#) cấp dưỡng nuôi con chung;

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 20-6-2024, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà [Nguyễn Thu P](#) trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông [Tống Công D](#) về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, con chung (gửi ông bà nội nuôi từ tháng 9-2023), việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Thời gian mâu thuẫn từ ngày 28-3-2024; Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống khó khăn nên bà đi làm xa (ở nước ngoài) để ổn định hơn về kinh tế lo cho chồng con đỡ vất vả, nhưng ông [D](#) không thống nhất mà xin ly hôn. Bà đã cố gắng hàn gắn nhưng ông [D](#) không chấp nhận. Sau khi ông [D](#) yêu cầu ly hôn bà mới có tình cảm với người khác. Bà và ông [D](#) ly thân từ ngày 28-3-2024.

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông [D](#).

Về nuôi con chung: Bà không đồng ý yêu cầu của ông [D](#). Nếu như phải ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông [D](#) cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do: Bà và ông [D](#) đều gửi con chung cho ông bà nội bé chăm sóc khi bà và ông [D](#) đi làm, vì ông [D](#) cũng làm xa nhà; Đến tháng 11-2024 bà hết hợp đồng ở nước ngoài, sẽ chuyển về Việt Nam làm, trong thời gian này tạm thời vẫn gửi con ở nhà nội. Hiện nay bà có đủ điều kiện kinh tế để trực tiếp nuôi con;

Vụ án được hòa giải đoàn tụ tại Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông [Tống Công D](#) khởi kiện “tranh chấp ly hôn” đối với bà [Nguyễn Thu P](#); Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Ông [D](#) và bà [P](#) chung sống có đăng ký kết hôn ngày 22-5-2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông [D](#) và bà [P](#) là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét việc thuận tình ly hôn của ông [D](#) và bà [P](#) tại phiên tòa: Ông [D](#) và bà [P](#) không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho mâu thuẫn vợ chồng. Tuy

nhiên, xét từ khi xảy ra mâu thuẫn, ông D khởi kiện tại Tòa án, được Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành và đến nay, ông D và bà P không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, ông D và bà P vẫn sống ly thân, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa ông D và bà P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông D yêu cầu ly hôn và bà P thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận;

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Đồng thời xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của ông D, bà P:

Ông D và bà P không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông bà là có căn cứ. Tuy nhiên, xét con chung tên Tống Đan L, sinh ngày 23-5-2023, tuy dưới 3 tuổi, nhưng từ nhỏ đã sống chung gia đình với ông D, từ tháng 9-2023 bà P đi làm xa (ở nước ngoài), con chung vẫn sống với ông D; bà P thường đi làm xa và hiện vẫn còn làm ở nước ngoài; việc thay đổi môi trường sống, học tập, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm lý, sinh lý của con chung. Yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của ông D là có căn cứ;

Việc bà P cho rằng bà có đủ điều kiện nuôi con, khi được nuôi con sẽ sắp xếp không đi làm ở nước ngoài nữa, nhưng bà P cũng cho rằng đến tháng 11 năm 2024 bà P hết hợp đồng ở nước ngoài chuyển về Việt Nam nên không có căn cứ chấp nhận;

[4.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[4.3] Bà P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông D và bà P được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Ông D và bà P trình bày không có nên không đề cập là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia nợ chung: Ông D và bà P trình bày không có, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông D đã nộp đủ án phí; Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: ông Tổng Công D và bà Nguyễn Thu P thuận tình ly hôn .

2. Về nuôi con chung:

Ông Tổng Công D được trực tiếp nuôi con chung tên Tổng Đan L, sinh ngày 23-5-2023, đang sống với ông D; Bà Nguyễn Thu P không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Bà P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông D và bà P được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Tổng Công D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004480 ngày 29-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, ông D đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 06-8-2024);

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương